

Bản án số: 245/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 28-5-2026

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Sáu.

**Các Hội thẩm nhân dân:**

- Bà Đoàn Sơn Lâm;
- Bà Huỳnh Thị Kim Phụng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thạch – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cần Thơ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Ông Lưu Quốc Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2026/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2026 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 417/2026/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Phan Minh T-1994-có mặt.

Địa chỉ: Ấp V, xã V, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Bùi Trần Phú T1-1976-Văn phòng L-Đoàn Luật sư tỉnh A-có mặt.

Địa chỉ: Số G, đường H, khóm Đ, phường L, tỉnh An Giang.

**2. Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Bích P-1995-có mặt.

Địa chỉ: Ấp V, xã V, thành phố Cần Thơ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phan Minh T trình bày: Ông T và bà Nguyễn Thị Bích P tự quen biết nhau, được sự chấp thuận của gia đình nên có tổ chức lễ cưới vào ngày 21/9/2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V (Nay là xã V) vào ngày 12/12/2013. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó phát sinh

mâu thuẫn và ly thân khoảng 06 tháng nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường hay bất đồng quan điểm, thường hay gây gổ, cự cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Từ khi mâu thuẫn đến nay, vợ chồng cũng không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm. Nay nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục sống chung nên ông T yêu cầu ly hôn với bà P để trả tự do cho nhau; Về con chung: Ông T và bà P có 02 con chung tên là Phan Thảo T2-24/8/2013 và Phan Minh N, cháu T2 hiện do ông T nuôi dưỡng, cháu N1 hiện do bà P nuôi dưỡng nhưng bà P không cho cháu N1 đi học nên khi ly hôn, ông T yêu cầu nuôi cháu T2 và cháu N1, không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích P trình bày ý kiến và yêu cầu như sau:* Bà P và ông Phan Minh T do tự quen biết nhau, được sự chấp thuận của gia đình nên có tổ chức lễ cưới vào ngày 21/9/2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V (Nay là xã V) vào ngày 12/12/2013. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn và ly thân khoảng 06 tháng nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường hay bất đồng quan điểm, thường hay gây gổ, cự cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Từ khi mâu thuẫn đến nay, vợ chồng cũng không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm. Nay nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục sống chung nên bà P cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông T để trả tự do cho nhau; Về con chung: Bà P và ông T có 02 con chung tên là Phan Thảo T2-24/8/2013 và Phan Minh N, cháu T2 hiện do ông T nuôi dưỡng, cháu N1 hiện do bà P nuôi dưỡng. Lý do bà P không cho cháu N1 đi học tiếp vì chưa giải quyết ly hôn, gia đình ông T ngăn cản không cho cháu N1 gặp bà P nên khi nào giải quyết ly hôn bà sẽ đảm bảo cho cháu học hành tốt. Khi ly hôn, bà đồng ý giao cháu T2 cho ông T nuôi dưỡng, bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N1, không ai phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như trình bày trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến nay là đúng theo quy định pháp luật, đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Chấp nhận cho ông T được ly hôn với bà P. Về con chung: Giao cháu T2 cho ông T nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, giao cháu N1 cho bà P nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn. Do bị đơn có nơi cư trú tại xã V nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cần Thơ theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét hôn nhân của ông T và bà P là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Ông T xác định vợ chồng đã có một thời gian chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng ly thân khoảng 06 tháng nay. Theo ông T và bà P trình bày thì nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường hay gây gổ, cự cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Vợ chồng không còn quan tâm, lo lắng cho nhau, không có biện pháp hàn gắn tình cảm nên ông T yêu cầu ly hôn với bà P và bà P cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông T. Xét đây là sự thống nhất thỏa thuận của đương sự nghĩ nên công nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận cho ông T được ly hôn với bà P là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Ông T và bà P xác định có 02 con chung tên là Phan Thảo T2-24/8/2013 và Phan Minh N. Từ khi vợ chồng ly thân, cháu T2 do ông T nuôi dưỡng, cháu N1 do bà P nuôi dưỡng. Do bà P không cho cháu N1 đi học nên khi ly hôn, ông T yêu cầu nuôi cháu T2 và cháu N1, không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con. Bà P trình bày lý do bà P không cho cháu N1 đi học tiếp vì chưa giải quyết ly hôn, gia đình ông T ngăn cản không cho cháu N1 gặp bà P nên khi nào giải quyết ly hôn bà sẽ đảm bảo cho cháu học hành tốt. Khi ly hôn, bà đồng ý giao cháu T2 cho ông T nuôi dưỡng, bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N1, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc nuôi dạy con là trách nhiệm chung của cha mẹ. Việc giao con cho ai nuôi dưỡng cũng phải xem xét quyền lợi mọi mặt của con. Từ khi vợ chồng ly hôn đến nay, cháu T2 do ông T nuôi dưỡng, cháu N1 do bà P nuôi dưỡng, môi trường sống và sinh hoạt của các cháu đã ổn định. Ông bà đều có thu nhập ổn định đảm bảo việc nuôi dạy các cháu phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Ý kiến của cháu T2 yêu cầu được sống chung với cha, không yêu cầu mẹ cấp dưỡng nuôi cháu. Ý kiến của cháu N1 yêu cầu được sống chung với mẹ, không yêu cầu cha cấp dưỡng nuôi cháu. Vì vậy, Hội đồng xét xử nghĩ nên giao cháu T2 cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu N1 cho bà P nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

[6] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

[7] Xét lời phát biểu của Viện kiểm sát là có cơ sở.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Điều 5, 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 9, 53, 56, 81, 82, 83, 84 và 122 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ và thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Minh T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Bích P.

Về con chung: Công nhận ông T và bà P có 02 con chung tên Phan Thảo T2-24/8/2013 và Phan Minh N. Giao cháu T2 cho ông T nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, giao cháu N1 cho bà P nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Đ không ai được cản trở. Bà D và ông Đ có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con vì lợi ích của con.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Phan Minh T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000042 ngày 05/01/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ, công nhận ông T đã nộp xong.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND KV4-CT;
- Phòng THADS KV4-CT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Thu Sáu**